

*lưu QH*  
X  
9

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

Số: 2240/QĐ-UBND

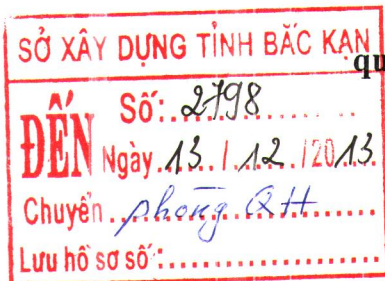
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 11 tháng 12 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng  
quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới  
giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 07/3/2003 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Mới và thôn Nà Mô thuộc xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND tỉnh phê duyệt lại nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 848/TTr-SXD ngày 05/12/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1- Tên đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2030.

2- Địa điểm, phạm vi ranh giới lập quy hoạch.

2.1. Địa điểm quy hoạch: Thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh, xã Thanh Bình huyện Chợ Mới (phía Bắc: Giáp xã Nông Thịnh huyện Chợ Mới; phía Đông: Giáp đường Đông Sông Cầu, chân núi đá thuộc xã Thanh Bình và xã Yên Đĩnh; phía Nam: Giáp dãy núi Khuôn Thung và xã Quảng Chu huyện Chợ Mới; phía Tây: Giáp dãy núi đất cao và xã Yên Ninh huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên).

2.2. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Khoảng 1.200ha; Phạm vi lập quy hoạch xây dựng 983ha.

3- Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ: Bản đồ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000.

#### 4- Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị:

4.1. Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ trung tâm hành chính, văn hoá, kinh tế, giáo dục của huyện Chợ Mới và sau này là thị xã Chợ Mới (định hướng là đô thị loại IV), là trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch của huyện và vùng phía Nam của tỉnh).

4.2. Chức năng: Là trung tâm kinh tế tiểu vùng phía Nam của tỉnh, có vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, bảo tồn văn hóa - lịch sử của huyện Chợ Mới và vùng phía Nam của tỉnh.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Công nghiệp (chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí, sửa chữa, lắp ráp...); Phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại; Phát triển các mặt hàng nông nghiệp chủ yếu phục vụ đô thị.

#### 5- Quy mô dân số và đất đai:

##### 5.1. Quy mô dân số:

Quy mô dân số hiện tại trong khu vực quy hoạch: 7.139 người.

Dự báo quy mô dân số tính đến 2020 khoảng: 10.000-15.000 người.

Dự báo quy mô dân số tính đến 2030 khoảng: 25.000-30.000 người.

##### 5.2. Quy mô đất đai:

Quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng : 1.200ha

Diện tích theo quy hoạch năm 2003: 99ha.

Diện tích dự kiến mở rộng: 884ha.

Tổng diện tích sau điều chỉnh, mở rộng: 983ha.

Quy mô đất đô thị giai đoạn đến năm 2020: 403,43ha.

Quy mô đất đô thị giai đoạn đến năm 2030: 543,67ha.

#### 6- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

##### 6.1. Các chỉ tiêu chính:

Hạng mục	Giai đoạn 2011-2020	Giai đoạn 2020-2030
* Đất dân dụng	70÷80 m <sup>2</sup> /người	60÷70 m <sup>2</sup> /người
- Đất ở	40÷ 50 m <sup>2</sup> /người	30÷35 m <sup>2</sup> /người
- Đất công cộng	12÷14 m <sup>2</sup> /người	14÷15 m <sup>2</sup> /người
- Đất cây xanh TĐTT	4÷5 m <sup>2</sup> /người	5÷6 m <sup>2</sup> /người
- Đất giao thông	9÷11 m <sup>2</sup> /người	11÷14 m <sup>2</sup> /người
* Các chỉ tiêu HTKT		
- Cấp điện	200-300W/người/ngày đêm	330-500W/người/ngày đêm
- Cấp nước	80 lít/người/ngày đêm	100 lít/người/ngày đêm
- Thoát nước	70 lít/người/ngày đêm	100 lít/người/ngày đêm
- Rác thải	0,9kg/người/ngày đêm	1kg/người/ngày đêm
- Tỷ lệ chiếm đất giao thông/ đất dân dụng	16%	18%
- Mật độ đường chính đô thị	4,5-5km/km <sup>2</sup>	5-6km/km <sup>2</sup>

## 6.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác:

### 6.2.1. Đất Cơ quan hành chính:

Mật độ xây dựng tối thiểu: 25%; Mật độ xây dựng tối đa: 45%; Chiều cao trung bình tối thiểu: 02 tầng; Chiều cao trung bình tối đa: 07 tầng.

### 6.2.2. Đất công trình công cộng, dịch vụ, thương mại:

Mật độ xây dựng tối thiểu: 25%; Mật độ xây dựng tối đa: 35%; Chiều cao trung bình tối thiểu: 01 tầng; Chiều cao trung bình tối đa: 09 tầng.

### 6.2.3. Đất ở:

Nhà ở chia lô mật độ cao: 80-100m<sup>2</sup>/ hộ (mật độ xây dựng tối đa 100%); Nhà ở chia lô: 120 – 150m<sup>2</sup>/hộ (Mật độ xây dựng tối đa 80%); Khu nhà Biệt thự, nhà vườn: 200 – 300m<sup>2</sup>/hộ (Mật độ xây dựng tối đa 60%).

### 6.2.4. Đất Giáo dục, Y tế:

Mật độ xây dựng tối thiểu: 20%; Mật độ xây dựng tối đa: 35%; Chiều cao trung bình tối thiểu: 01 tầng; Chiều cao trung bình tối đa: 05 tầng.

### 6.2.5. Đất cây xanh công viên, cây xanh TDTT:

Mật độ xây dựng tối thiểu: 5%; Mật độ xây dựng tối đa: 15%; Chiều cao tối thiểu: 01 tầng; Chiều cao tối đa: 03 tầng.

## 7- Hướng phát triển đô thị:

7.1. Đối với khu vực phía Bắc (đến Khu công nghiệp Thanh Bình): Lấy khu công nghiệp Thanh Bình làm nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển KT-XH phía Bắc thị trấn Chợ Mới. Trên cơ sở đó sẽ thu hút các lao động công nghiệp và dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị trấn, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá khu vực này.

7.2. Đối với khu vực Phía Đông: Dọc theo dòng Sông Cầu, trong giai đoạn trước mắt tổ chức quy hoạch các khu ở nông thôn. Lâu dài quy hoạch thành các khu chức năng đô thị mà hạt nhân là trung tâm đô thị ở khu Nà Quang và khu hành chính mới ở Nà Chiêm.

### 7.3. Đối với khu vực phía Tây:

Quy hoạch theo hướng bảo tồn không gian kiến trúc, cảnh quan vốn có, không quy hoạch theo hướng đô thị hiện đại. Các khu chức năng dọc theo QL3 sắp xếp, chỉnh trang lại những khu vực chưa hợp lý. Một số các khu chức năng như khu trung tâm thể thao, văn hoá của huyện tiếp tục được thực hiện theo quy hoạch trước đã phê duyệt.

Khu vực bãi rác tập trung, nghĩa trang tập trung và khu giết mổ tập trung được bố trí phía sâu bên trong đường vào xóm Suối Hón. Đây là khu vực có khả năng cách ly tốt, không ảnh hưởng đến nguồn nước và cách xa với khu trung tâm.

7.4. Đối với khu vực phía Nam: Nghiên cứu kết hợp các khu vực đô thị đã phát triển của thị trấn với điểm du lịch Đền Thắm, Quy hoạch khu vực Trung tâm thương mại, dịch vụ gắn với khu trung tâm văn hóa thể thao, các cơ quan dự kiến tại khu đầu Cầu Khuổi Hoa và Ngã 3 Yên Đĩnh mở ra Sông Cầu để định hình trung tâm mới của đô thị làm hạt nhân thúc đẩy sự phát triển KT-XH cho toàn bộ khu Phía Nam thị trấn.

8- Phân khu chức năng (phân chia toàn bộ thị trấn thành 08 khu vực chính), bao gồm:

### 8.1. Phân khu:

Khu A (trung tâm thị trấn). Khu vực này bao gồm thị trấn hiện nay và một phần của xã Yên Đĩnh dọc theo QL3 qua Nà Mồ đến đỉnh dốc Trá My. Phía Đông giáp Sông Cầu, phía Tây giáp thôn làng Dao và xóm Suối Hón. Khu vực này chủ yếu nằm trong ranh giới quy hoạch năm 2003.

Khu B (khu vực Cốc Po).

Khu C (khu Khuổi Nhâu).

Khu D (từ đầu cầu Yên Đĩnh dọc theo sông Cầu qua Nà Quang, Nà Ba đến thôn Khuổi Tai).

Khu E (khu vực bờ Đông sông Cầu từ Nà Hin qua Nặm Bó đến bản Tềng bao gồm cả nhà máy xi măng Chợ Mới).

Khu F (khu vực từ ngã 3 cây Thị đi đền Thắm, Pắc San 1, Pắc San 2).

Khu G (khu thôn làng Dao, xóm Suối Hón).

Khu H (khu vực Bản Áng).

### 8.2. Các trung tâm chức năng:

Trung tâm hành chính: Trụ sở cơ quan huyện ủy - HĐND - UBND vẫn xác định tại vị trí hiện nay thuộc thị trấn Chợ Mới.

Trung tâm dịch vụ thương mại: Bố trí tại ngã 3 Yên Đĩnh, đầu đường tỉnh lộ 256 đi Như Cố.

Các trung tâm công cộng phục vụ đô thị: Bố trí tại các phân khu đảm bảo yêu cầu phục vụ.

Trung tâm Văn hoá thể thao: Bố trí tại đầu cầu Khuổi Hoa, bên trái QL3 (theo quy hoạch cũ đã được duyệt).

Cây xanh công viên đô thị: Bố trí dọc theo sông Cầu và trong các phân khu quy hoạch.

Các công trình đầu mối hạ tầng đô thị (nghĩa trang, khu xử lý rác thải, khu giết mổ tập trung): Bố trí ở phía Tây xóm Suối Hón.

### 9- Điều chỉnh quy hoạch:

Điều chỉnh các ô đất chức năng nằm trong ranh giới quy hoạch năm 2003 (phê duyệt tại Quyết định số 372/QĐ-UB, ngày 07/3/2003 của UBND tỉnh), nhằm đáp ứng được mục tiêu, quan điểm quy hoạch và khắc phục những hạn chế của đồ án năm 2003 như sau:

9.1. Khu vực phía Nam (dọc đường đi Quảng Chu từ đầu cầu Ô Gà đến đền Thắm):

Điều chỉnh 02 ô đất tiểu thủ CN (số 49) 01 ô đất kho tàng (số 50), 06 ô đất ở và 02 ô đất hạ tầng (số 22, 23) thành đất điểm du lịch tâm linh đền Thắm. Ranh giới tính từ khe Ông Lầu đến đỉnh dốc đền Thắm hiện nay (theo biên bản làm việc xác định ranh giới quy hoạch chi tiết 1/500 điểm du lịch đền Thắm giữa Sở XD Bắc Kạn với UBND huyện Chợ Mới ngày 26/02/2009).

Điều chỉnh 03 ô đất tiểu thủ CN (số 49) tính từ khe Ông Lầu đến ngã 3 Cây Thị thành đất ở đô thị.

Ô đất Lâm trường Chợ Mới (số 19) giữ nguyên theo quy hoạch cũ.

9.2. Khu vực trung tâm thị trấn hiện nay (đọc theo QL3 từ đầu cầu Ô Gà đến hết ranh giới thị trấn):

Điều chỉnh ô đất dân cư (đầu cầu Ô Gà bên trái QL3) thành đất công cộng dự kiến, kề cận với đất Đội kiểm lâm cơ động để xác lập không gian công cộng đô thị tại cửa ngõ phía Nam của tỉnh.

Điều chỉnh thành đất dân cư những khu vực sau: Một phần đất trạm cứu hoả (phần giáp đường đi Ba Luông); đất Trụ sở Ngân hàng nhà nước (ô số 09 quy hoạch cũ); đất Trụ sở Phòng giao dịch ngân hàng NN&PTNN (ô số 10 quy hoạch cũ); đất Chi nhánh điện lực Chợ Mới (ô số 15 quy hoạch cũ); một phần ô đất các phòng ban của huyện (ô số 03 - đối diện Trụ sở cũ của Công an huyện theo quy hoạch cũ); đất khu cây xanh (phía sau các phòng ban của huyện, lô số 03 theo quy hoạch cũ); đất Bảo tàng (ô số 42 theo quy hoạch cũ); đất câu lạc bộ thiếu nhi (ô số 43 theo quy hoạch cũ); Đất bãi bồi ven sông bên phải QL3 từ Ngã 3 vào Chợ thị trấn đến hết ranh giới thị trấn hiện nay.

Bổ sung đất khu cách ly động vật của tỉnh phía sau đất trạm cứu hoả.

Điều chỉnh ô đất công cộng (số 18) và ô đất các cơ quan ban ngành của huyện (số 3) đầu cầu Ô Gà (bên phải QL3) thành đất Công an huyện, đất nhà khách Công an tỉnh và trạm kiểm dịch động vật.

Điều chỉnh đất trụ sở Chi cục thuế (số 13) thành đất các phòng ban của huyện.

Điều chỉnh lô đất (số 29 quy hoạch cũ là bến xe) chuyển thành đất ở đô thị; Bến xe mới chuyển về ngã ba đường đi Yên Đĩnh.

Điều chỉnh lô đất (số 45 quy hoạch cũ là đài phát thanh truyền hình) về khu đồi cạnh huyện ủy.

Giữ nguyên đất trụ sở Công an huyện cũ (số 5) và trường mầm non thị trấn theo quy hoạch cũ, khi có điều kiện sẽ bố trí các công trình trụ sở của huyện.

Điều chỉnh hợp nhất đất của trường mầm non (số 32) vào trường trung học cơ sở (số 34).

Điều chỉnh hình dáng, diện tích và vị trí ô đất Trung tâm chính trị (số 25); phòng văn hoá (số 26) để phù hợp với thực tế đang quản lý.

Bổ sung đất cửa hàng thương nghiệp.

Điều chỉnh một phần đất phòng ban của huyện (bên phải trụ sở UBND huyện) cho phù hợp với thực tế dân cư đã phát triển.

Chuyển vị trí trạm thu phát truyền hình về vị trí phía sau Huyện uỷ cho đúng với thực tế.

Thu nhỏ mặt cắt tuyến đường từ các phòng ban của huyện đi phía sau trường THCS thị trấn từ 19,5m xuống 16,5m.

9.3. Khu vực thuộc Yên Đĩnh:

Điều chỉnh, bổ sung các chức năng sử dụng đất từ khu vực ngã 3 đầu đường đi cầu Yên Đĩnh bao gồm:

+ Điều chỉnh đất công cộng (số 30 quy hoạch cũ) thành đất cơ quan gồm trụ sở Chi cục thuế, Điện Lực Chợ Mới, Buu điện huyện, trụ sở UBND xã Yên Đĩnh.

+ Điều chỉnh đất công cộng (số 30 quy hoạch cũ) đổi diện ngân hàng Chính Sách thành đất dân cư.

+ Điều chỉnh ô đất trạm thú y (số 20 quy hoạch cũ), trạm bảo vệ thực vật (số 21 quy hoạch cũ) thành đất dân cư.

10- Quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị theo các chức năng:

10.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Đất ở:

+ Các khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Khai thác quỹ đất còn trống trong các khu ở, tăng mật độ, chiều cao bình quân và tăng hệ số sử dụng đất, (phạm vi trung tâm thị trấn hiện nay và dọc theo QL3 lên đến Nà Mồ).

+ Các khu ở mới : Tiếp tục phát triển dọc theo QL 3 và bố trí tại 8 phân khu.

Đất các cơ quan hành chính:

+ Đất trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và các cơ quan hành chính cấp huyện vẫn bố trí tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn hiện nay. Bổ sung thêm quỹ đất cho các cơ quan dự kiến của huyện trên đường tỉnh lộ 256, liền kề với khu trung tâm dịch vụ công cộng.

+ Các cơ quan ngành dọc của tỉnh đã hình thành tại khu vực đầu cầu Ổ Gà , ngã 3 Yên Đĩnh và khu Nà Mồ.

Đất công trình công cộng:

+ Các công trình giáo dục, y tế, dạy nghề...tập trung ở trung tâm thị trấn hiện nay; Các công trình tiểu học, mầm non, THCS gắn với các khu ở bố trí ở 8 phân khu.

+ Các công trình văn hoá huyện: Bố trí tại đầu cầu Khuổi Hoa, bên trái QL3 gắn liền với khu cây xanh TDDT.

+ Các công trình dịch vụ thương mại: Bố trí tập trung tại ngã 3 Yên Đĩnh, đầu đường tỉnh lộ 256 đi Như Cố. Ngoài ra còn bố trí các các phân khu quy hoạch.

Đất cây xanh TDDT: Bố trí tại đầu cầu Khuổi Hoa, bên trái QL3 liền kề với trung tâm khu văn hoá mở ra Sông Cầu. Tại đây bố trí hồ điều hoà cảnh quan trên cơ sở cải tạo tuyến suối Hón. Đất cây xanh TDDT còn được bố trí tại các phân khu quy hoạch.

Đất du lịch sinh thái, dịch vụ nghỉ dưỡng: Được xác định tại phía Nam khu vực quy hoạch (thuộc phân khu F) là điểm du lịch sinh thái tâm linh Đền Thắm gắn với cảnh quan sông Cầu, sông Chu và núi Khuôn Thung để thúc đẩy dịch vụ du lịch thị trấn.

Đất đặc biệt:

+ Huyện đội, đài tưởng niệm: Giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc phân khu A.

+ Đất tôn giáo: Đất đền Thắm thuộc phân khu F.

Đất chuyên dùng: Lâm trường Chợ Mới giữ nguyên tại vị trí hiện tại, thuộc phân khu F.

Đất dự trữ: Phân bố tất cả ở các phân khu, được khai thác theo các giai đoạn và theo yêu cầu phát triển đô thị, hướng chính phát triển về phía Đông, thuộc phân khu D, E.

Đất công nghiệp, kho tàng: Đất khu công nghiệp Thanh Bình, đất khu XNCN Chợ Mới.

Đất sản xuất nông, lâm nghiệp: Nằm chủ yếu tại các phân khu phía Nam và phía Đông trên cơ sở quy hoạch mới đất đô thị gắn với đất sản xuất nông, lâm nghiệp để ổn định đời sống người dân.

Các loại đất không xây dựng được: Bao gồm núi cao, đất rừng... nằm phân bố ở các phân khu, tạo cảnh quan không gian và cải thiện vi khí hậu trong đô thị.

10.2. Tính toán cân bằng đất đai toàn khu vực quy hoạch các giai đoạn, theo bảng sau:





Bảng cân bằng sử dụng đất quy hoạch		Giai đoạn 2011-2020				Giai đoạn 2020-2030			
STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân m <sup>2</sup> /người	Dân số (người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân m <sup>2</sup> /người	Dân số (người)
*	<b>Tổng diện tích quy hoạch</b>	<b>983.00</b>	<b>100.0</b>		<b>15,137</b>	<b>983.00</b>	<b>100.00</b>		<b>25,647</b>
	Đất xây dựng đô thị	403.43	41.04			543.67	55.31		
	Đất ngoài đô thị	579.57	58.96			439.33	44.69		
I	Đất xây dựng đô thị	403.43				543.67			
A	Đất dân dụng	209.49	100.00			282.73	100.00		
1	Đất ở	135.24	64.56			162.40	57.44		
	a, Khu ở Làng Dao	5.20	2.48	200.0	260	15.37	5.44	350.0	439
	b, Khu ở cải tạo chính trang theo quy hoạch	39.04	18.64	60.0	6,507	53.82	19.04	60.0	8,970
	c, Đất ở nông thôn	68.05	32.48	180.0	3,781	36.33	12.85	180.0	2,018
	d, Đất ở quy hoạch mới	22.95	10.96	50.0	4,590	56.88	20.12	40.0	14,220
2	Đất công cộng, cơ quan, trường học	32.77	15.64			49.62	17.55		
	2.1 Đất công cộng, trường học	18.98	9.06	12.7		35.50	12.56	14.2	
	2.2 Đất cơ quan	13.79	6.58			14.12	4.99		
3	Đất cây xanh TĐTT, cây xanh công viên, cây xanh cảnh quan	26.37	12.59			37.42	13.24		
	Đất cây xanh cảnh quan	15.61	7.45			19.85	7.02		
	Đất cây xanh công viên, cây xanh TĐTT	7.71	3.68	5.1		14.52	5.14	5.8	
	Đất mặt nước	3.05	1.46			3.05	1.08		
4	Đất giao thông liên khu vực	15.11	7.21	10.1		33.29	11.77	13.3	
B	Đất khác	193.94	100.00			260.94	100.00		
1	Đất giao thông nhóm nhà ở (đã phê duyệt), khoảng trống	18.62	9.60			36.05	108.29		

2	Đất điểm du lịch Đền Thắm	0.02	0.0103				20.00	7.66
3	Đất công nghiệp	155.50	80.18				168.50	64.57
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang	19.80	10.21				36.39	13.95
	a, Đất trạm cấp nước	0.89	0.42				0.88	0.31
	b, Đất trạm xử lý nước thải	0.54	0.26				1.09	0.39
	c, Đất nghĩa trang hiện có	1.18	0.56				1.18	0.42
	d, Đất cây xanh cách ly, hành lang điện	13.73	7.08				13.73	5.26
	e, Đất hành lang giao thông	2.06	1.88				18.11	6.94
	f, Đất hành lang suối	1.40					1.40	0.63
II	Đất ngoài đô thị	579.57	100.00				439.33	100.00
1	Đất giao thông đối ngoại	17.99	3.10				23.76	5.41
	a, Giao thông Quốc lộ 3	15.77	2.72				19.72	4.49
	b, Giao thông Tỉnh Lộ 256	2.22	0.38				4.04	0.92
2	Đất di tích	0.33	0.06				0.33	0.08
3	Đất quân sự	0.83	0.14				0.83	0.19
4	Đất trồng cây hàng năm	125.84	21.71				79.77	18.16
5	Đất trồng cây lâu năm	68.60	11.84				49.53	11.27
6	Đất 2 lúa	170.2	29.37				118.80	27.04
7	Đất trồng chè	7.00	1.21				6.41	1.46
8	Đất rừng	97.45	16.81				68.57	15.61
9	Sông Chu, Sông Cầu	91.33	15.76				91.33	20.79

## 11- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

### 11.1. Giải pháp san nền thoát nước mưa:

#### Giải pháp san nền:

+ Thiết kế san nền trong ranh giới quy hoạch bao gồm khu quy hoạch đã được phê duyệt. Cốt thiết kế cơ bản bám theo trục QL3 và các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp các khu dân cư hiện có và đang hình thành.

+ Do chịu ảnh hưởng bởi chế độ thủy văn của Sông Cầu nên tính toán cốt san nền theo tần suất ngập lụt  $p = 10\%$ .

+ Do địa hình khu quy hoạch phần lớn là đồi cao xen kẽ ruộng thấp nên để có thể tạo ra một bề mặt địa hình thuận lợi cho xây dựng công trình, đảm bảo thoát nước nhanh và giao thông được an toàn, thuận tiện thì giải pháp san nền là đào những khu vực cao và đắp đất tôn nền vào những khu vực thấp hơn, tuy nhiên cố gắng hạn chế tối đa khối lượng thi công đất.

+ Cao độ san nền thiết kế thấp nhất là 63.20 cao nhất là 86.20m. Cao độ không chế trong khu vực là cao độ các trục đường giao thông chạy qua khu vực thị trấn đã được xây dựng ổn định. Độ dốc san nền thiết kế  $i=0,4\% - 1,5\%$ .

+ Hạn chế san gạt đồi núi; Chủ yếu cân bằng đào đắp tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường.

#### Giải pháp thoát nước mưa:

+ Các lưu vực thoát nước căn bản vẫn tuân theo hướng thoát nước tự nhiên và định hướng thiết kế san nền.

+ Phần lớn nước mưa trong khu quy hoạch được tập trung ra phía đường rồi chảy vào hệ thống cống bản thu nước chạy trên vỉa hè thông qua hệ thống hố ga thu nước, sau đó đổ vào các đường cống thoát nước chính hoặc các mương hở thoát nước hiện có của mỗi lưu vực, sau đó thoát ra Sông Cầu chạy dọc theo thị trấn. Các khu giữ nguyên hiện trạng thì nước mưa vẫn thoát theo địa hình tự nhiên, chảy vào các con mương, suối tự nhiên rồi cuối cùng thoát ra Sông Cầu.

+ Tại các khu vực giáp ranh giữa các khu xây dựng mới và các khu dân cư đã có chính trang mà cốt nền có sự chênh cao lớn thì khi tiến hành công tác san nền phải đồng thời xây dựng hệ thống thu nước bao quanh các khu dân cư đã có để không gây hiện tượng ngập úng cục bộ.

+ Hệ thống cống bản thoát nước xây gạch hiện có dọc trục đường Quốc Lộ 3 và các trục đường chính, các tuyến mương hở thoát nước chính chảy trong đô thị cần tiến hành công tác nạo vét theo định kỳ và tiến hành cứng hoá dần để nâng cao khả năng tiêu thoát nước trong tương lai.

+ Mạng lưới cống thoát nước dọc đường phần lớn dùng cống bản xây có nắp đan BTCT với các khẩu độ B600, B800 và B1000. Một số dùng thêm cống hộp BTCT.

+ Dọc theo các tuyến cống xây dựng các hố ga kiểm tra chế độ làm việc của hệ thống. Khoảng cách các hố ga trung bình khoảng 30- 45m tùy theo độ dốc đáy cống.

### 11.2. Quy hoạch giao thông.

Giao thông đối ngoại: Trục Quốc lộ 3 có quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ từ 30m đến 58m; Đường tỉnh lộ 256 có quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 22,5m.

Giao thông đối nội: Có quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ từ: 16,5m đến 32m.

Đường giao thông nông thôn: Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 27,5m.

(Chi tiết các vị trí mặt cắt các tuyến đường theo hồ sơ bản vẽ quy hoạch đã được Sở Xây dựng thẩm định).

Bến xe: Bố trí 02 bến xe (01 bến xe trung tâm thị trấn tại ngã 3 Yên Đĩnh, đầu đường tỉnh lộ 256 liền kề với trạm cân và bãi đỗ xe tập trung; 01 bến xe buýt cho công nhân và người dân trên khu vực Cốc Po (gần trạm xăng Thanh Bình). Ngoài ra, tổ chức hệ thống bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, trung tâm công cộng lớn.

### 11.3. Quy hoạch định hướng cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện (theo tiêu chuẩn đô thị loại IV – V):

+ Điện sinh hoạt: Giai đoạn đầu từ 2013-2020 =330w/ng; Giai đoạn sau từ 2020-2030 =500w/ng.

+ Điện công trình công cộng = 30% điện sinh hoạt.

+ Các khu, cụm công nghiệp, nhu cầu cấp điện cần được dự báo theo suất tiêu hao điện năng trên đơn vị sản phẩm.

+ Chiều sáng đường: Độ rọi tối thiểu =5 Lux.

Công suất dự kiến:

+ Giai đoạn 2011-2020: Tổng công suất 5.565 KVA.

+ Giai đoạn 2020- 2030: Tổng công suất 14.052 KVA.

Nguồn cấp:

+ Thị trấn Chợ Mới sử dụng lưới điện 110KV từ đường dây 110KV Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng. Nguồn điện 110KV cấp đến 2 trạm biến áp 110KV Thanh Bình và 110KV Chợ Mới.

+ Trạm biến thế 110/35KV (theo quy hoạch ngành điện).

+ Xây dựng trạm 110/35/22KV Khu công nghiệp Thanh Bình 1x25MVA cấp điện cho Khu công nghiệp Thanh Bình và một phần thị trấn Chợ Mới.

+ Xây dựng trạm 110/35/6KV Chợ Mới 2x20MVA cấp điện cho khu xí nghiệp công nghiệp Chợ Mới, thị trấn Chợ Mới và phụ cận.

+ Trạm biến thế 35/0,4KV: Dự kiến xây dựng các trạm 35/0,4KV với các gam máy chọn 180KVA, 250KVA, 320KVA, 400KVA ... cấp cho các khu dân cư. Đối với các công trình công cộng - khách sạn lớn có thể dùng các gam máy lớn hơn tùy theo nhu cầu sử dụng của chủ đầu tư. Các trạm biến áp xây mới dùng loại trạm kios kiểu kín. Các khu, cụm công nghiệp khi biết quy mô công suất của từng nhà máy, xí nghiệp, nhu cầu cấp điện cần được dự báo theo suất tiêu hao điện năng trên đơn vị sản phẩm.

+ Tuyến dây 110KV: Định hướng lưới điện 110KV cấp cho 2 trạm 110KV Thanh Bình và 110KV Chợ Mới đi nổi, đầu nguồn từ đường dây 110KV Thái Nguyên – Bắc Kạn - Cao Bằng.

+ Tuyến dây trung thế 35KV: Quy hoạch lưới điện trung thế xây dựng mới của thị trấn Chợ Mới sẽ là lưới điện 35KV đi ngầm trong hào cáp dọc theo các trục đường giao thông chính cấp điện đến các trạm biến áp đặt trong từng khu vực phụ tải. Đồng thời với

việc xây dựng mới các tuyến điện 35KV, các tuyến điện 35KV hiện có đi nổi sẽ cải tạo chuyển dần thành lưới điện 35KV đi ngầm.

+ Lưới 0,4KV: Giai đoạn trước mắt, khi chưa có điều kiện, lưới điện 0,4KV dùng cáp nhôm vặn xoắn đi nổi trên cột bê tông ly tâm. Trong tương lai lưới 0,4 KV cáp điện đến các khu dân cư sử dụng cáp ngầm bọc PVC đi trong hào cáp cáp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện hạ thế. Mỗi tủ điện hạ thế cáp điện cho 8 đến 10 hộ dân. Riêng các công trình công cộng hệ thống cáp điện 0,4KV sử dụng cáp ngầm bọc PVC đi trong hào cáp lấy điện trực tiếp từ tủ điện hạ thế trạm biến áp khu vực.

+ Lưới chiếu sáng: Giai đoạn trước mắt, hệ thống điện chiếu sáng công cộng sẽ lắp nổi chung cột điện với đường dây hạ thế. Giai đoạn sau sẽ chuyển sang đi ngầm. Cáp điện chiếu sáng cho khu vực nghiên cứu quy hoạch sử dụng cáp lõi đồng bọc PVC đi ngầm trong hào cáp. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn cao áp 250W đặt hai bên hè đường đối với những tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường  $\geq 10m$  và đặt một bên hè đường với những tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường  $\leq 10m$ . Khoảng cách đèn trung bình là 40m.

#### 11.4. Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước (theo tiêu chuẩn của đô thị loại IV):

+ Giai đoạn đầu: 80 lít/người/ngày đêm (với 80% dân đô thị được cấp nước).

+ Giai đoạn dài hạn: 100 lít/người/ngày đêm (với 90% dân đô thị được cấp nước).

Tổng nhu cầu cấp nước:

+ Giai đoạn 2011 – 2020 là: 1286 m<sup>3</sup>/ngày/đêm.

+ Giai đoạn 2020 – 2030 là: 3344 m<sup>3</sup>/ngày/đêm.

Nguồn cấp: Theo hiện trạng có 3 trạm cấp nước sạch tại xã Yên Đĩnh, khu chợ và khu Đền Thắm hiện tại chưa đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước; chủ yếu dùng nước mặt Sông Cầu và Sông Chu. Dự kiến xây dựng thêm trạm cấp nước tại Cốc Po và nâng công suất của 3 trạm cấp nước hiện có cụ thể như sau:

+ Khu A - Trạm cấp nước xã Yên Đĩnh là  $Q = 1500$  m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Khu A - Trạm cấp nước khu chợ là  $Q = 1700$  m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Khu F - Trạm cấp nước khu Đền Thắm là  $Q = 450$  m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Khu B - Trạm cấp nước xây mới tại khu Cốc Po là  $Q = 800$  m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Thiết kế mạng lưới cấp nước:

+ Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp mạng nhánh.

+ Hệ thống đường ống phân phối được bố trí theo quy hoạch đi trên các hè đường giao thông đến các khu dân cư.

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo quy phạm.

#### 11.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Hệ thống thoát nước thải (xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa):

+ Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước: Giai đoạn 2011 – 2020: 80 lít/người/ngày đêm; Giai đoạn 2020 – 2030: 100 lít/người/ngày đêm.

+ Tổng lượng nước thải cần thu gom xử lý: Giai đoạn 2011 – 2020: 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn 2020 – 2030: 6300m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Trạm xử lý:

+ Toàn bộ mạng lưới thoát nước thải của thị trấn thu gom xử lý bởi 5 trạm xử lý nước thải. Tổng công suất giai đoạn đầu là 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm, dài hạn là 6300m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý theo 2 cấp. Cấp thứ nhất tại các công trình, nước thải được xử lý thông qua bể tự hoại, được xây dựng đúng quy cách (3 ngăn). Cấp thứ 2, nước thải được xử lý tập trung tại trạm xử lý đạt TCVN 6772 : 2000 trước khi xả môi trường.

Rác thải: Được tập trung tại các điểm xác định của các khu đất, sau đó thu gom, phân loại và vận chuyển đến bãi rác tập trung tại phía Tây thị trấn thuộc xã Yên Đĩnh cách QL3 đoạn trung tâm văn hóa thể thao huyện khoảng 1,4km, diện tích 2,25ha (hiện đã có dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý rác thải).

11.6. Quy hoạch khu giết mổ tập trung: Dự kiến bố trí một khu giết mổ tập trung ở phía Tây khu vực quy hoạch thuộc xã Yên Đĩnh có diện tích khoảng 0,5ha (trên đường vào khu xử lý rác thải và nghĩa trang tập trung của huyện cách QL3 đoạn trung tâm văn hóa thể thao huyện khoảng 700m). Khu vực này có khoảng cách ly tốt với khu vực xung quanh. Khả năng xử lý nước thải thuận lợi và gần với khu trung tâm.

11.6. Quy hoạch nghĩa trang: Được đưa về nghĩa trang tập trung bố trí tại phía Tây khu vực quy hoạch giáp xóm Suối Hón xã Yên Đĩnh cách QL3 đoạn trung tâm văn hóa thể thao huyện khoảng 950m. Quy mô nghĩa trang khoảng 3,48ha nằm trên khu đất đồi rừng đảm bảo nhu cầu chôn cất của thị trấn trong vòng 20-30 năm. Các nghĩa địa, nghĩa trang hiện nay từng bước đóng cửa, di dời về nghĩa trang tập trung để đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

12- Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc vùng miền; Tuân thủ các quy định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng và trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch về: Chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao khống chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm; Các công trình được đầu tư xây dựng trong thị trấn, thực hiện đúng quy trình: Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng, giám sát kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình; Các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch cần thiết kế theo hướng hiện đại, kiến trúc đẹp kết hợp yếu tố bản địa, tạo nét đặc sắc của địa phương và đảm bảo bền vững; Mật độ xây dựng đất ở đô thị: Nhà ở chia lô mật độ cao là 100%; Nhà ở chia lô mật độ thấp là 80% và nhà vườn, biệt thự không quá 60%; khu cây xanh không quá 5%; công trình công cộng không quá 40% và các yêu cầu khác theo quy định.

13- Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt về an ninh quốc phòng cần tuân thủ các quy định của quốc phòng. Đảm bảo quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ

tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch các bãi tập của dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

#### 14- Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các Đồ án quy hoạch xây dựng thành phần đều phải có đánh giá môi trường chiến lược, nhằm kiểm soát môi trường và các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, Nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định.

#### 15- Phân kỳ thực hiện, các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

##### 15.1. Phân kỳ thực hiện quy hoạch:

Dự kiến lập quy hoạch chi tiết 1/500, tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng và thi công xây dựng các khu vực phát triển theo các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 2013-2020: Đơn vị phát triển A (khu trung tâm thị trấn, Nà Mỏ); Đơn vị phát triển B (Cốc Po); Khu F (từ ngã 3 Cây Thị đến đền Thăm).

+ Giai đoạn 2020-2030: Đơn vị phát triển C (khu Khuổi Nhàu); Đơn vị phát triển D (khu Nà Quang đến Nà Chiêm); Đơn vị phát triển E (từ Nà Hin đến Bản Tèng); Đơn vị phát triển F (khu Pắc San 1, Pắc San 2); Đơn vị phát triển G (thôn Làng Dao); Đơn vị phát triển H (khu Bản Áng).

##### 15.2. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Chuẩn bị kỹ thuật (San nền các khu vực xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm, các khu vực dân cư có nhu cầu ở cao) gồm:

+ Khu vực Trung tâm văn hoá thể thao huyện.

+ Cụm các công trình công cộng, trung tâm thương mại dịch vụ và các cơ quan dự kiến tại Ngã 3 Yên Đĩnh.

+ Khu cụm các công trình công cộng cửa ngõ phía Nam (đầu cầu Ô Gà).

+ Khu Cốc Po, Thanh Bình.

**Giao thông:**

+ **Giao thông đối ngoại:** Tiếp tục hoàn thiện tuyến QL3 đoạn từ đóc Trá My đến Cốc Po; Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 256 từ cầu Yên Đĩnh đến hết khu vực xí nghiệp công nghiệp Chợ Mới là tiền đề động lực phát triển đô thị dọc theo hai bên đường.

+ **Giao thông nội thị:** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn, khu Nhà Mố; Đầu tư tuyến đường từ Ngã 3 Cây Thị đi đền Thắm làm cơ sở hạ tầng để quy hoạch, xây dựng điểm du lịch tâm linh đền Thắm và phát triển khu dân cư mới khu vực này; Tiếp tục hoàn thiện tuyến đường gom qua khu vực Cốc Po để làm cơ sở phát triển khu dân cư nối với khu tái định cư khu CN Thanh Bình đảm bảo quỹ đất ở do gia tăng cơ học khu vực này.

+ **Giao thông nông thôn:** Tiếp tục thực hiện đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn dọc theo bờ Đông sông Cầu kết nối từ xóm Nhà Hin đến Khu công nghiệp Thanh Bình; Đầu tư tuyến đường nông thôn từ khu vực Trung tâm văn hoá thể thao đi vào khu xử lý rác, khu giết mổ tập trung và khu nghĩa trang thị trấn.

**Cấp điện:** Điều chỉnh mở rộng nguồn cấp điện; Di chuyển tháo dỡ một số đoạn đường dây theo đúng quy hoạch, kể cả ngầm hóa một số khu vực; Điều chỉnh, xây dựng lắp đặt lại một số trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất của quy hoạch tại từng khu phát triển; Bổ sung hệ thống chiếu sáng cho các trục đường đô thị mới được đầu tư xây dựng hoàn thiện.

**Cấp nước:** Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống đường ống cấp nước đô thị theo nguyên tắc mạch vòng khép kín đảm bảo nhu cầu dùng nước đô thị; Bổ sung trạm cấp nước khu vực Cốc Po để chuẩn bị tốt cho sự gia tăng dân số khu vực này.

**Thoát nước thải:** Xây dựng hoàn chỉnh 3 trạm xử lý nước thải khu vực Trung tâm thị trấn, khu Nhà Mố và khu Cốc Po; Từng bước hoàn thiện hệ thống đường ống thoát nước thải chính đô thị làm cơ sở để đầu nối cho hệ thống thoát nước trong các khu ở theo các giai đoạn đầu tư hạ tầng.

**Rác thải:** Xây dựng hoàn chỉnh khu xử lý rác thải tại phía Tây xóm Suối Hón (theo dự án được duyệt) để tập trung xử lý rác thải cho toàn thị trấn; Bố trí các trạm thu gom, tập kết rác thải hợp lý tại từng khu ở để thuận lợi cho việc thu gom đưa đến khu xử lý.

**Nghĩa trang:** Lập quy hoạch chi tiết khu nghĩa trang tập trung của thị trấn tại khu vực phía Tây xóm Suối Hón với quy mô 3,5ha. Trên cơ sở đó lập dự án đầu tư xây dựng và tiến hành đầu tư xây dựng để tập kết nhu cầu chôn cất của người dân thị trấn vào khu vực này.

**Khu giết mổ tập trung:** Xây dựng hoàn chỉnh khu giết mổ tập trung tại khu vực phía Tây xóm Suối Hón với quy mô 0,5ha.

**Các công trình xây dựng:** Lập dự án và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình trong Trung tâm văn hoá thể thao, khu trung tâm thương mại dịch vụ, bến xe, trạm cân và khu các cơ quan dự kiến mới làm động lực và điểm nhấn kiến trúc phát triển khu trung tâm thị trấn; Xây dựng hoàn chỉnh Chợ Yên Đĩnh, Chợ Thanh Bình, trung tâm thương mại Thanh Bình theo tiêu chuẩn quy định, tạo cơ sở hạ tầng xã hội thuận lợi cho đời sống nhân dân; Tiếp tục hoàn thiện các công trình y tế, giáo dục để nâng cao đời sống người dân.



## 15.3. Dự kiến kinh phí thực hiện (giai đoạn đầu 2011-2020):

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (tỷ đồng)
1	San nền	M3	900.000	120.000	108
2	Giao thông				478
-	Đường đô thị	Km	14,6	25.000.000.000	365
-	Đường Nông thôn	Km	22,6	5.000.000.000	113
3	Cấp điện				10
4	Cấp nước				15
-	Trạm cấp nước	Trạm	1		5
-	Đường ống	Km			10
5	Thoát nước thải				28
-	Trạm xử lý	Trạm	3	5.000.000.000	15
	Đường ống	Km	17.330	750.000	13
6	Nghĩa trang				5
7	Khu xử lý rác thải				15
8	Khu giết mổ tập trung				5
	<b>Tổng kinh phí dự kiến</b>				<b>664</b>

Nguồn vốn: Từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn vay tài trợ, vốn vay huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

16. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 2.997.525.534 đồng (hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng).

Trong đó:

+ Khảo sát, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000: 2.077.564.494 đồng.

+ Lập, điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung XD: 919.961.040 đồng. (bao gồm cả chi phí khác và chi phí công bố quy hoạch xây dựng; không bao gồm chi phí cắm mốc giới quy hoạch ra thực địa, khoản chi phí này sẽ do chính quyền đô thị (UBND huyện Chợ Mới) tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành).

(Chi tiết các khoản chi phí theo nội dung Tờ trình số 848/TTr-SXD ngày 05/12/2013 của Sở Xây dựng)

Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND tỉnh về phê duyệt lại nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

17. Tiến độ thực hiện:

Tổ chức công bố quy hoạch sau khi Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.

Tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa trong năm 2014-2015.

Thực hiện quy hoạch theo chương trình ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu.

Phấn đấu đến sau năm 2015: Thị trấn Chợ Mới được công nhận là đô thị Loại IV và nâng lên thị xã sau năm 2015.

18. Lưu hồ sơ:

Cơ quan thẩm định (Sở Xây dựng): 03 bộ (01 bộ trình UBND tỉnh phê duyệt).

Chủ đầu tư (UBND huyện Chợ Mới): 03 bộ.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Giao thông Vận tải, Kho bạc nhà nước tỉnh, Sở Văn hóa TTDL, UBND thị trấn Chợ Mới: Mỗi đơn vị 01 bộ.

Số bộ hồ sơ còn lại do UBND huyện Chợ Mới (chủ đầu tư) lưu giữ và quản lý.

Tổng số: 15 bộ bộ mẫu.

UBND huyện Chợ Mới có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, ký đóng dấu của cơ quan thẩm định, phê duyệt và bàn giao cho các đơn vị có liên quan theo quy định.

Phần lưu trữ hồ sơ ghi tại Quyết định này thay thế phần lưu trữ hồ sơ ghi tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND tỉnh về phê duyệt lại nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

## **Điều 2. Phân giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện.**

1. UBND huyện Chợ Mới: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập các Quy hoạch phân khu và Quy hoạch chi tiết phù hợp với Quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, Đơn vị liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện để thực hiện tốt quy hoạch này.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở VH-TT&DL, Chủ tịch UBND huyện Chợ Mới, Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Mới huyện Chợ Mới và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b).



**Lý Thái Hải**